

Bản án số: 551/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2024

V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Định

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Huy Hoàng**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 310/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 383/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Phương L**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: A1/32A Tổ A ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Ngô Tấn P**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: A7/128 ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà L và ông P có đơn xin vắng mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07/5/2024 và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 07/5/2024 - nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương L trình bày:

Bà và ông Ngô Tấn P bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1993, do tự

tìm hiểu, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2001. Thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc bình thường, không có gì xảy ra nhưng đến năm 2018 vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông P dọn ra bên ngoài sinh sống, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Tấn P vì xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được.

Trong quá trình chung sống, bà và ông P có 01 (một) con chung tên Ngô Tấn T, sinh ngày 28/10/1993, con đã trưởng thành và đi làm.

Về tài sản chung: bà xác nhận không có, bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: bà xác nhận không có, bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2024, bị đơn ông Ngô Tấn P trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Phương L bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1993, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2001. Thời gian đầu, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc bình thường, không có gì xảy ra nhưng đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, mỗi người sống mỗi nơi, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương L vì xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được.

Trong quá trình chung sống, ông và bà L có 01 (một) con chung tên Ngô Tấn T, sinh ngày 28/10/1993, con đã trưởng thành và đi làm.

Về tài sản chung: ông xác nhận không có, ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: ông xác nhận không có, ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Phương L đối với ông Ngô Tấn P. Về con chung: bà L và ông P có 01 (một) con chung tên Ngô Tấn T, sinh ngày 28/10/1993, con đã trưởng thành. Về tài sản chung: bà L và ông P đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà L và ông P đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Dương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L nộp đơn xin ly hôn đối với ông P. Ông P cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt đương sự: Ông P và bà L đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà L theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 10 năm 2001, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông P là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L, ông P xác định vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“Tình nghĩa vợ chồng:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng”.

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[5] Xét thấy, bà L và ông P đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai. Như vậy, vợ chồng đã không còn

thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông P mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà L về việc xin được ly hôn với ông P.

[6] Về con chung: Bà L và ông P có 01 (một) con chung tên Ngô Tấn T, sinh ngày 28/10/1993, con đã trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông P đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Phương L đối với ông Ngô Tấn P.

Bà Nguyễn Thị Phương L được ly hôn với ông Ngô Tấn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 10 năm 2001 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: bà Nguyễn Thị Phương L và ông Ngô Tấn P có 01 con chung tên Ngô Tấn T, sinh ngày 28/10/1993, con đã trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương L và ông Ngô Tấn P đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương L chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0033554 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Phạm Thị Kim Định